

Số: /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-KCNĐN ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc thành lập đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất màn hình tinh thể lỏng quy mô 20.000.000 sản phẩm/năm tương đương 600 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Itak International (Việt Nam) tại đường N3-2, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 1593/KCNĐN-MT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Itak International (Việt Nam) tại văn bản số 01/GPMT-ĐXP ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc giải trình, hoàn thiện báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở tại đường N3-2 (thuê nhà xưởng số 2-5,6 của Công ty TNHH Đầu tư Long Đức), Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Itak International (Việt Nam) (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất màn hình tinh thể lỏng quy mô 20.000.000 sản phẩm/năm tương đương 600 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N3-2 (thuê nhà xưởng số 2-5,6 của Công ty TNHH Đầu tư Long Đức), Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất màn hình tinh thể lỏng quy mô 20.000.000 sản phẩm/năm tương đương 600 tấn sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường N3-2, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: số 3603464783 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 5 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 01 năm 2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 9826284844 chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 3 năm 2017, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 05 tháng 02 năm 2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603464783.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất màn hình tinh thể lỏng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: 1.012,5 m² (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư Long Đức).

- Quy mô: Dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Dự án đầu tư nhóm I (Phân loại theo tiêu chí môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Công suất: Sản xuất màn hình tinh thể lỏng (màn hình LCD loại thường, màn hình LCD gắn chân pin, màn hình LCD có gắn IC) quy mô 20.000.000 sản phẩm/năm tương đương 600 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất của cơ sở:

+ Quy trình sản xuất màn hình LCD loại thường: Nguyên liệu (Tấm LCD đơn) → Vệ sinh (Giẻ lau) hoặc Rửa (Nước + Hoá chất rửa kính) → Sấy khô → Dán tấm phân cực → Loại bỏ bong bóng trên màn hình → E-test → Kiểm tra trực quan → Kiểm tra lần cuối → Đóng gói.

+ Quy trình sản xuất màn hình LCD gắn chân pin: Nguyên liệu (màn hình LCD loại thường, pin) → Kiểm tra → Phủ cacbon → Lắp ráp → Phủ keo UV → Sấy UV → Cắt phần pin thừa → E-test → Kiểm tra cuối cùng → Đóng gói.

+ Quy trình sản xuất màn hình LCD có gắn IC: Nguyên vật liệu (màn hình LCD loại thường, Chất keo điện tử (ACF), Chip (IC), linh kiện kết nối (FPC))

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Công ty TNHH Đầu tư Long Đức;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (Đ).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sinh hoạt với lưu lượng 9,6 m³/ngày đêm được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn cải tiến của cụm nhà xưởng cho thuê KCN Long Đức có thể tích 30 m³, không xả trực tiếp môi trường. Công ty TNHH Đầu tư Long Đức chịu trách nhiệm bảo dưỡng và quản lý bể tự hoại 3 ngăn cải tiến của cụm nhà xưởng cho thuê KCN Long Đức theo Phụ lục 3 của hợp đồng thuê nhà xưởng trong KCN Long Đức số 231106/HD-TX ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa Công ty TNHH Đầu tư Long Đức và Chủ cơ sở.

- Nước thải sản xuất (từ hoạt động của hệ thống lọc nước EDI, công đoạn rửa kính tại các bể số 03, 04, 05, 06, 07 và 08) với lưu lượng 1,4 m³/ngày đêm được thu gom đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Đức, không xả trực tiếp ra môi trường.

Chất lượng nước thải sản xuất trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN: Phải đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Đức theo hợp đồng thuê nhà xưởng trong KCN Long Đức số 231106/HD-TD ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa Công ty TNHH Đầu tư Long Đức và Chủ cơ sở.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa kính tại các bể số 01, 02 với lưu lượng 0,2 m³/ngày đêm và cặn lắng tại các bể số 03, 04, 05, 06, 07 và 08 được thu gom và chuyển giao như chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý chất thải nguy hại.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom dẫn về bể tự hoại 3 ngăn cải tiến của cụm nhà xưởng cho thuê của KCN Long Đức có thể tích 30 m³ bằng đường ống nhựa uPVC đường kính 110 mm.

- Nước thải sản xuất từ hoạt động của hệ thống lọc nước EDI, từ hoạt động rửa kính tại bồn 03, 04, 05, 06, 07 và 08 được thu gom bằng 06 bồn chứa với tổng thể tích V= 0,7 m³ (trong đó: thể tích các bồn chứa 03, 05, 06, 07, 08 là 0,1 m³/bể; thể tích bồn chứa 04 là 0,2 m³/bể).

- Toàn bộ lượng nước thải sản xuất phát sinh từ các bồn 03, 04, 05, 06, 07 và 08 trong hoạt động của cơ sở được xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Đức trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Đức (tại 01 hố ga dọc đường nội bộ của khu nhà xưởng cho thuê; Tọa độ X= 1.198.952; Y= 416.362).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Sơ lược quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải cục bộ của khu nhà xưởng cho thuê với công suất thiết kế 15 m³/ngày đêm (tại 01 vị trí hố ga ký hiệu: MH06).

- Công suất thiết kế: 01 bể tự hoại, dung tích 30 m³/bể.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của khu nhà xưởng cho thuê theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty TNHH Đầu tư Long Đức), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... để vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu nhà xưởng cho thuê do Công ty TNHH Đầu tư Long Đức làm chủ đầu tư để được xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Long Đức trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp để được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ công đoạn rửa.
- Nguồn số 02: Khí thải từ công đoạn sấy 1.
- Nguồn số 03: Khí thải từ công đoạn sấy 2.
- Nguồn số 04: Khí thải từ công đoạn sấy UV 1.
- Nguồn số 05: Khí thải từ công đoạn sấy UV 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi
chiều 3°)

- Ống thải sau hệ thống hút khí tập trung từ quá trình rửa, sấy, sấy UV
(tương ứng nguồn số 01, 02, 03, 04, 05) công suất thiết kế $3.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Tọa độ
vị trí xả khí thải: X = 1198957; Y = 416372.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng khí thải lớn nhất của
cơ sở $3.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường
qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục khi phát sinh.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Phải bảo
đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về
khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT
(cột B với $K_v = 1$ và $K_p = 1$), Quy chuẩn khí thải công nghiệp đối với một số chất
hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

Chủ cơ sở thực hiện quan trắc theo đề xuất, cụ thể: Tần suất quan trắc đối
với bụi và lưu lượng là 6 tháng/lần.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LY KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về
hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình rửa được thu gom bằng
chụp hút (kích thước $R=150\text{mm}$) và bằng hệ thống ống giấy bạc và ống thép
 $\varnothing 150\text{mm}$ về hệ thống hút khí tập trung, công suất thiết kế $3.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$, sau đó
phát tán ra môi trường qua 01 ống thải chung kích thước $300 \times 300 \text{ mm}$, cao 7
m.

- Nguồn số 02 và 03: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy được thu gom bằng chụp hút (kích thước $R=150\text{mm}$) và bằng hệ thống ống giấy bạc và ống thép $\varnothing 150\text{mm}$ về hệ thống hút khí tập trung, công suất thiết kế $3.000\text{ m}^3/\text{giờ}$, sau đó phát tán ra môi trường qua 01 ống thải chung kích thước $300 \times 300\text{ mm}$, cao 7 m .

- Nguồn số 04 và 05: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy UV được thu gom bằng chụp hút (kích thước $R=150\text{mm}$) và bằng hệ thống ống giấy bạc và ống thép $\varnothing 150\text{mm}$ về hệ thống hút khí tập trung, công suất thiết kế $3.000\text{ m}^3/\text{giờ}$, sau đó phát tán ra môi trường qua 01 ống thải chung kích thước $300 \times 300\text{ mm}$, cao 7 m .

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không có công trình xử lý khí thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống thu gom khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm theo quy định tại c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v=1$; $K_p = 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT. Không được xả bụi, khí thải không đạt quy chuẩn ra môi trường

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 1: Từ máy sấy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

Nguồn số 1: Máy sấy. Tọa độ: X= 1198964; Y= 416391.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT.

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được

bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 98.810 (kg/năm).

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1.	Pin, ắc quy đã qua sử dụng	19 06 01	Rắn	NH	10
2.	Hộp mực in	08 02 04	Rắn	KS	1
3.	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	NH	1
4.	Vật liệu lau bề mặt có nhiễm cặn IPA: tấm bông, giẻ lau	18 02 01	Rắn	KS	272
5.	Chất thải điện tử	19 02 06	Rắn	NH	36
6.	Tấm phân cực, Kính LCD lỗi	19 02 06	Rắn	NH	994
7.	Nước thải có thành phần nguy hại	19 10 01	Lỏng	KS	96.000
8.	Hoá chất thải có thành phần nguy hại	12 02 02	Lỏng	NH	56
9.	Cặn nước thải nhiễm thành phần nguy hại	19 10 02	Bùn	KS	1.440
Tổng số lượng			-	-	98.810

Ghi chú: Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 660 (kg/năm).

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nilon	19 03 04	Rắn	TT	100
2	Giấy phế liệu	18 01 05	Rắn	TT	60
3	Nhựa phế liệu	18 01 06	Rắn	TT	150
4	Giẻ lau không nhiễm thành phần nguy hại	18 02 02	Rắn	TT	200
5	Bùn từ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	12 03 16	Bùn	TT	150
Tổng khối lượng					660

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 4,5 (tấn/năm).

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	4,5
Tổng khối lượng dự kiến phát sinh (tấn/năm)		4,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy có nắp đậy, bao nilong.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao, mặt sàn đảm bảo kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa từ bên ngoài chảy vào; có mái che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt: Diện tích 10m².
- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, khu vực sản xuất và khu vực lưu giữ.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che, nền bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Có khu lưu giữ chất thải đúng quy cách và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Phối hợp đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với cơ sở.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công

trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty TNHH Đầu tư Long Đức, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất; Luật Đầu tư; Luật Xây dựng và các quy định khác có liên quan.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI